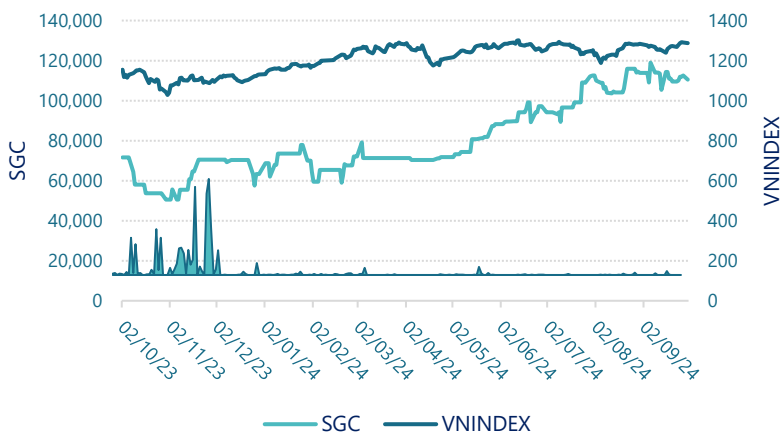




CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang (HNX: SGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	110,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	118,960
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	50,558
SL cổ phiếu LH	7,147,580
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,090
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	790
P/E	7.6
EPS	14,559

DT thuần

Q3/24

170

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.0| -10.1%

YoY: ▲ 64.0| 60.2%

LN sau thuế

Q3/24

19.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.7| -46.5%

YoY: ▲ 8.70| 82.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

13.7%

+/- YoY: ▲ 1.6%

DT thuần

9T 2024

521

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 216| 70.9%

LN sau thuế

9T 2024

82.9

tỷ VNĐ

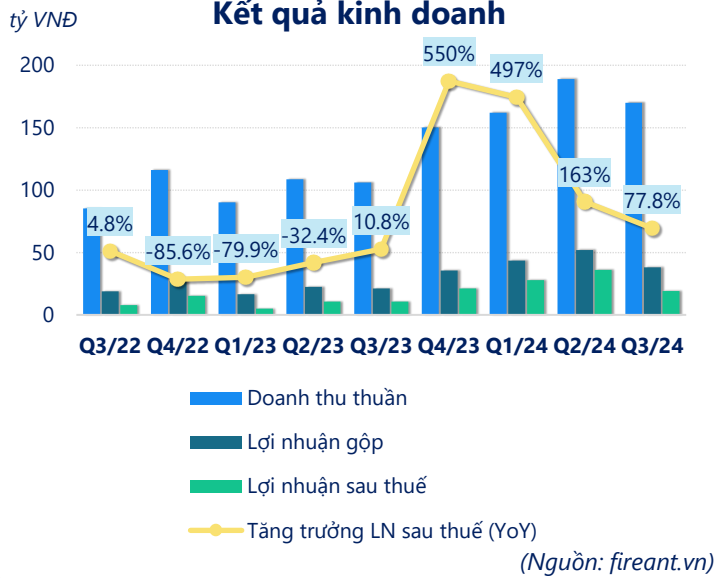
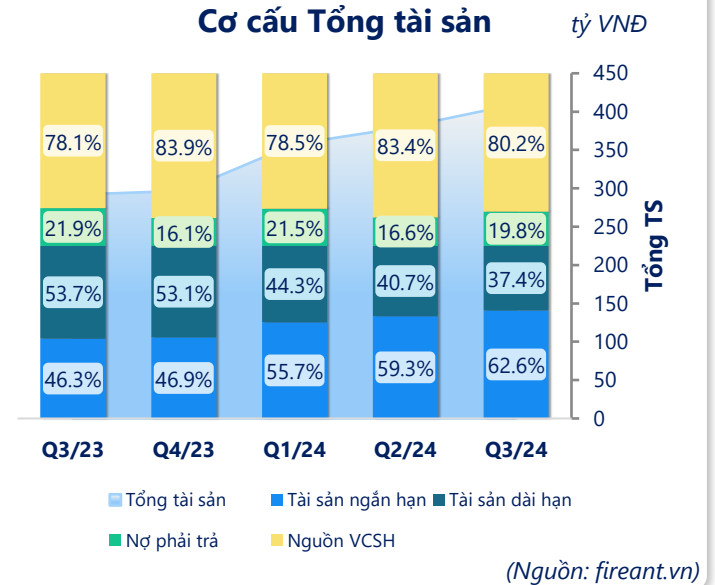
YoY: ▲ 56.7| 217%

ROE

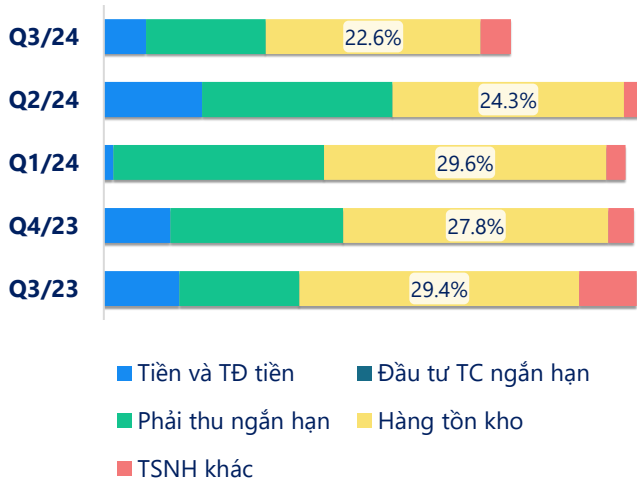
Q3/24

37.4%

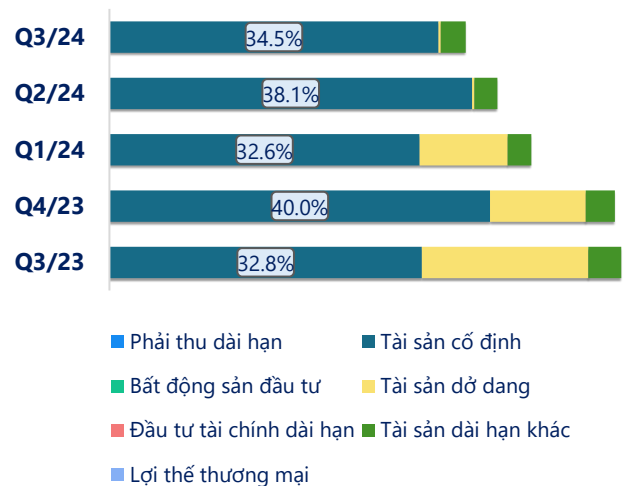
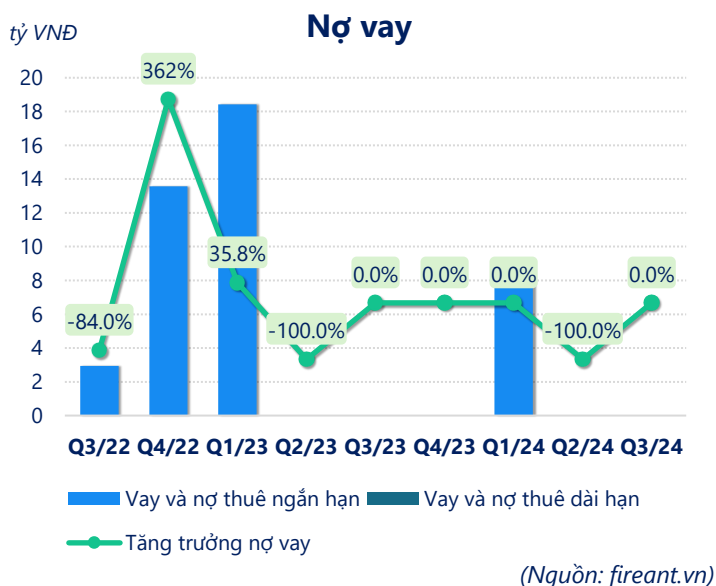
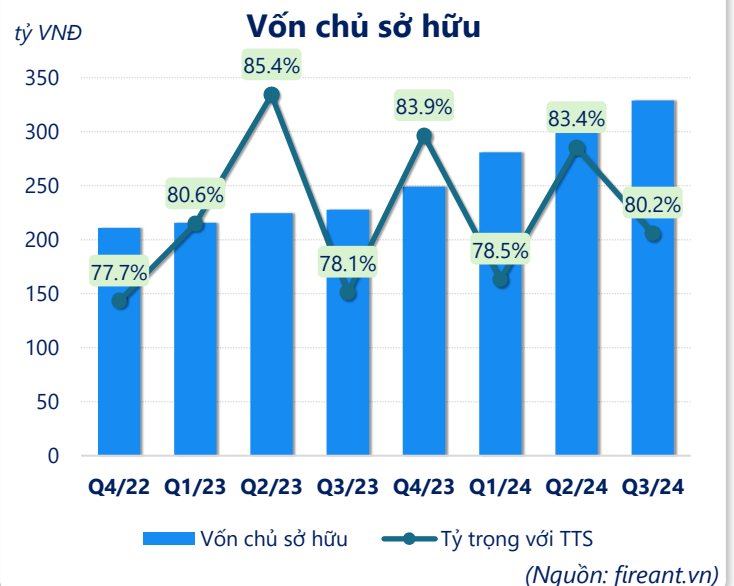
+/- YoY: ▲ 17.8%

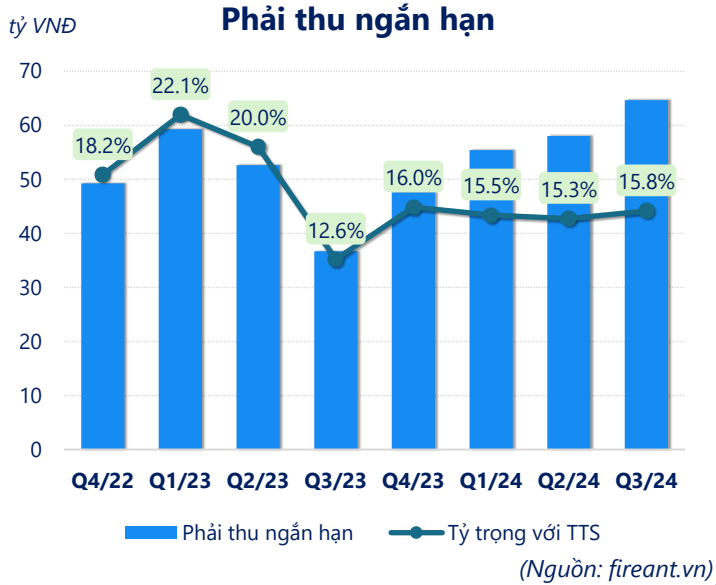
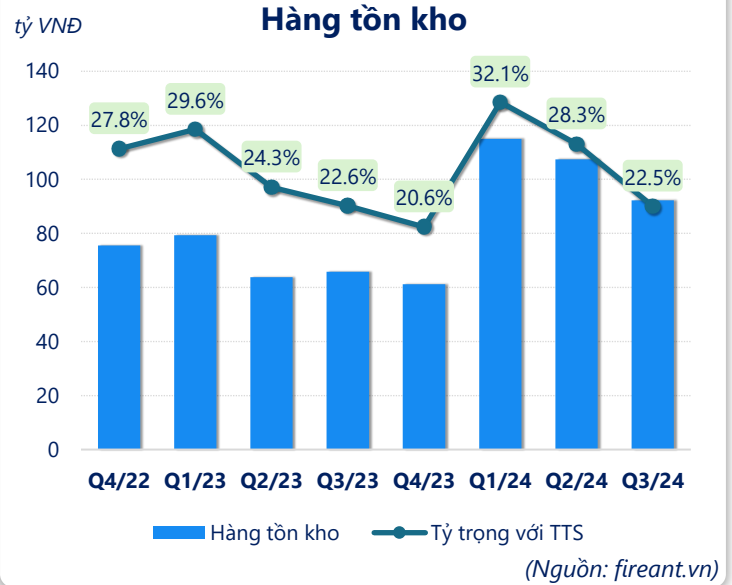
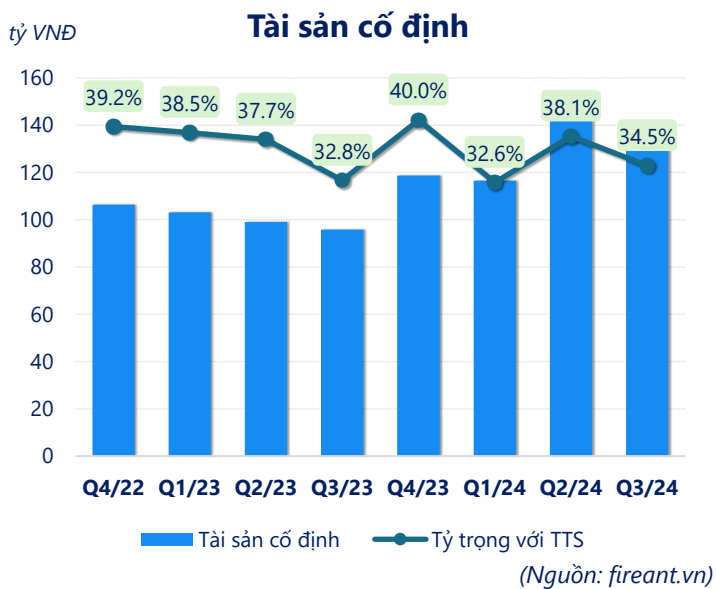
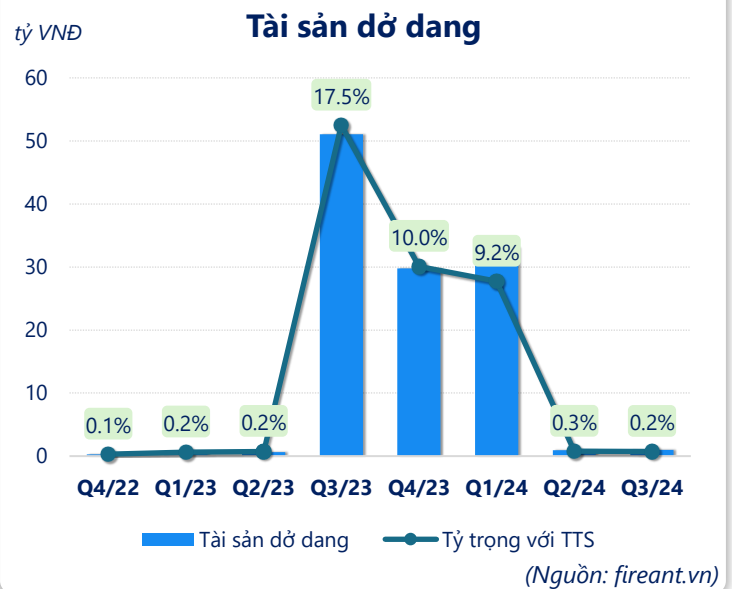
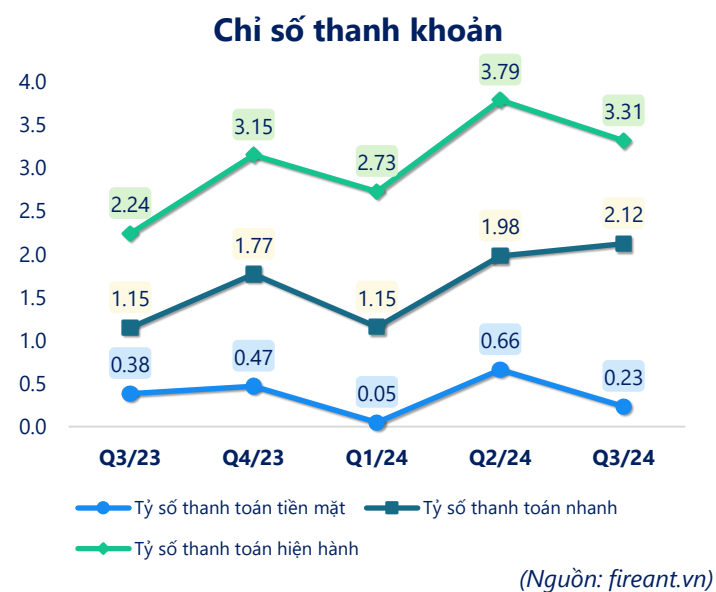
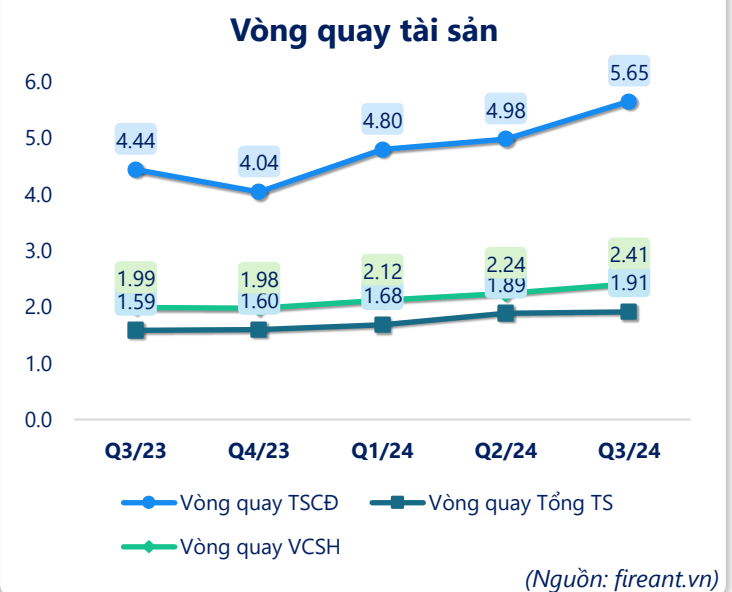


Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	292	297	358	380	410
Tài sản ngắn hạn	135	139	199	225	257
Tiền và tương đương tiền	23.1	20.7	3.59	39.2	18.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	10.0	10.0	70.0
Phải thu ngắn hạn	36.7	47.6	55.4	58.0	64.6
Hàng tồn kho	65.8	61.2	115	107	92.3
Tài sản ngắn hạn khác	9.35	9.86	15.2	10.5	11.5
Tài sản dài hạn	157	158	158	155	153
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	95.7	119	116	145	142
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	51.1	29.8	33.1	0.96	1.01
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	10.0	9.07	8.89	9.20	10.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	64.1	48.0	76.7	63.0	80.9
Nợ ngắn hạn	60.3	44.3	73.1	59.4	77.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	7.81	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	32.1	15.6	28.8	13.3	21.6
Nợ dài hạn	3.73	3.70	3.69	3.59	3.54
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	228	249	281	317	329
Vốn chủ sở hữu	228	249	281	317	329
Vốn điều lệ	71.5	71.5	71.5	71.5	71.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)